CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cát Lợi

Ngày 30/06/2025	51,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.7%	**5.8%**	**5.8%**

DT thuần
Q2/25
1,072
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 119| 12.5%
YoY: ▲ 150| 16.3%

LN thuần
Q2/25
47.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.60| -7.1%
YoY: ▲ 3.70| 8.5%

LN sau thuế
Q2/25
37.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.90| -7.1%
YoY: ▲ 12.6| 50.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
4.9%
YoY: +/-▼ 1.1%

ROE (TTM)
Q2/25
17.8%
YoY: +/-▲ 2.3%

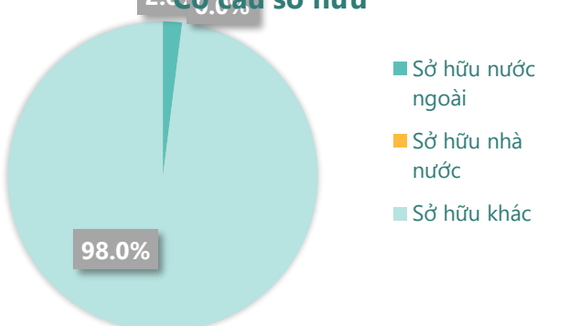
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	40,160 - 50,827
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,350
Số lượng CPLH (CP)	26,207,583
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,660
Sở hữu nước ngoài	2.0%
Beta	0.52
EPS	5,764
P/E	8.9

DT thuần
6T 2025
2,025
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 190| 10.3%

LN thuần
6T 2025
97.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.00| 1.0%

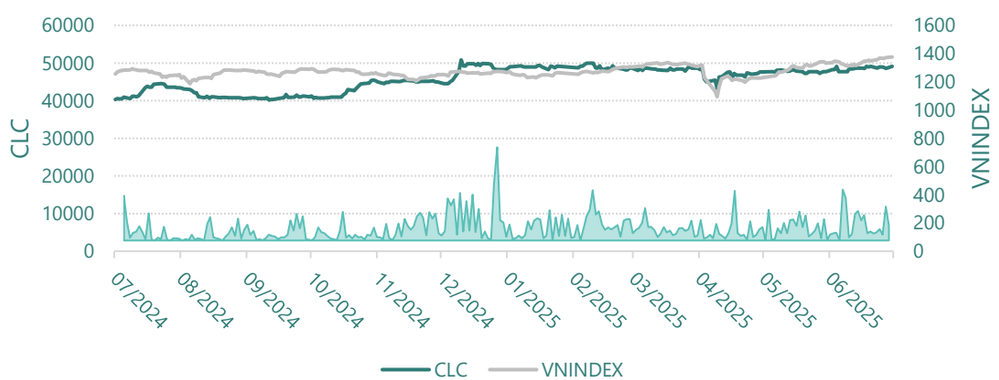
LN sau thuế
6T 2025
78.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.90| 1.1%

Cơ cấu sở hữu

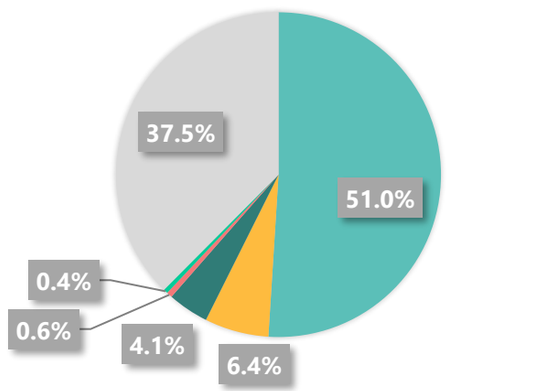


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



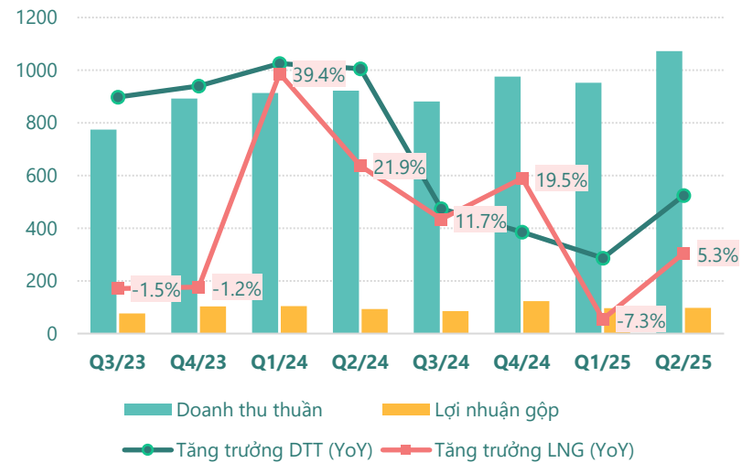
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

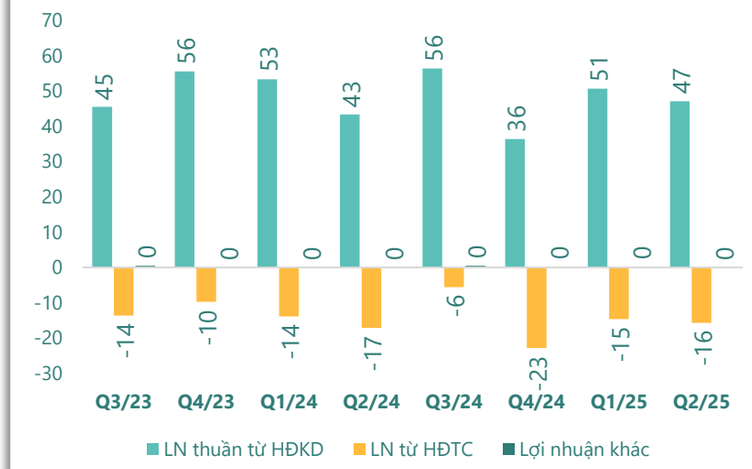
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



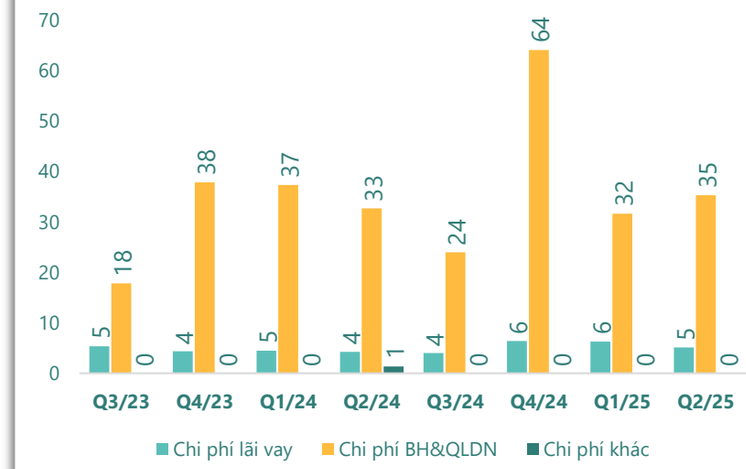
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



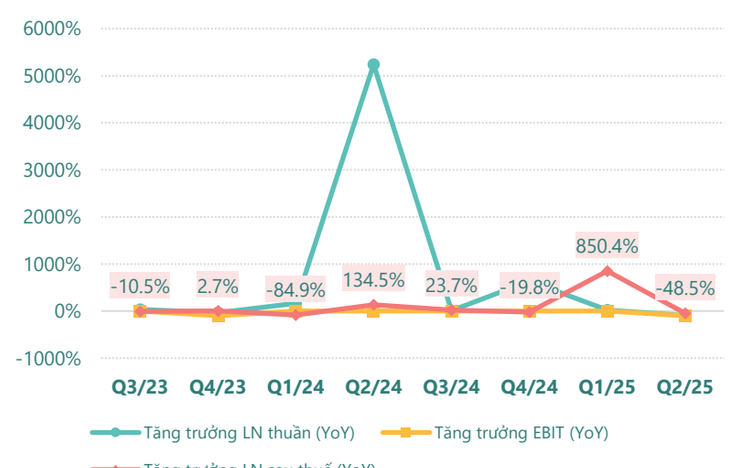
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



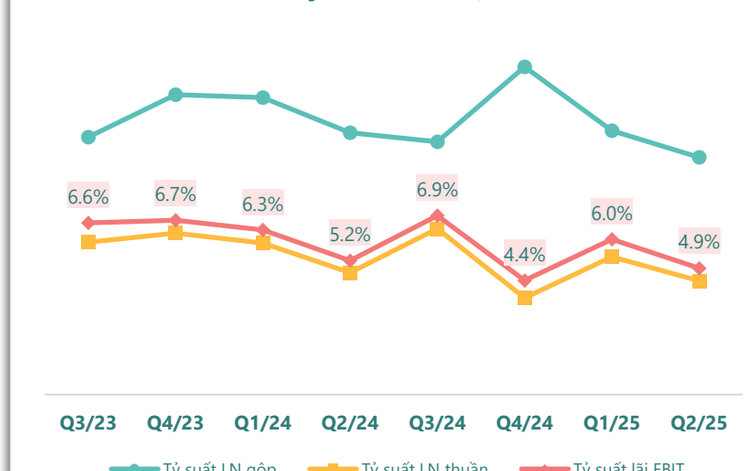
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



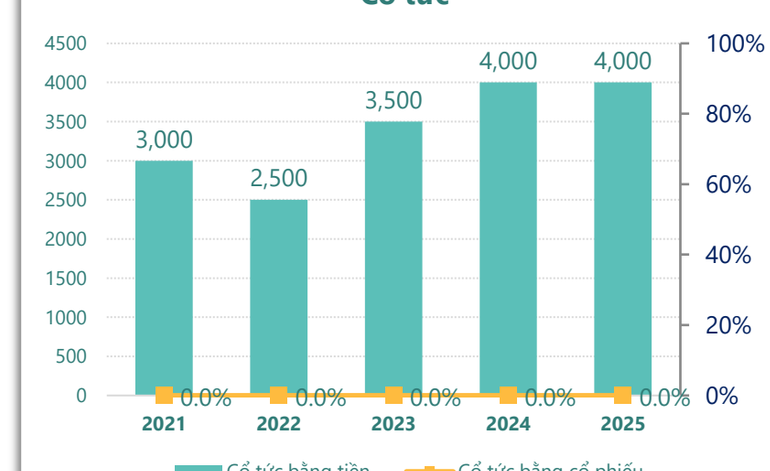
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



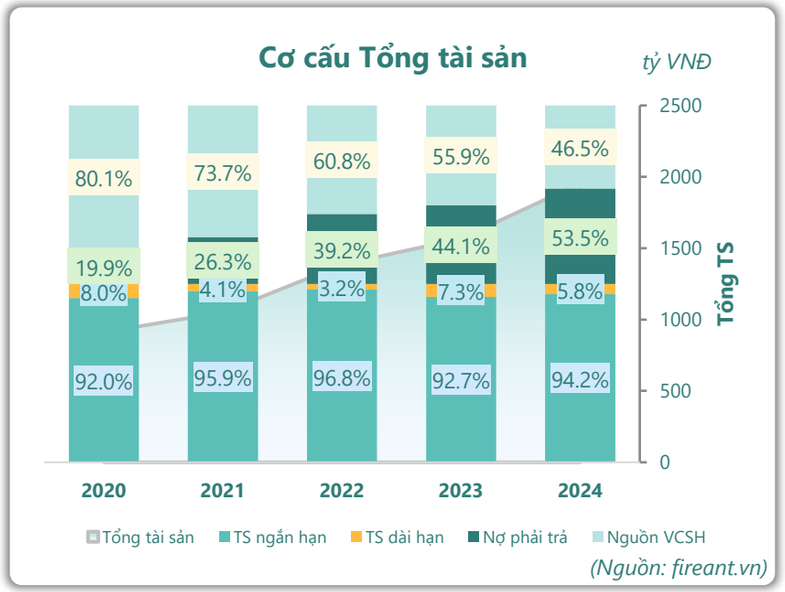
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

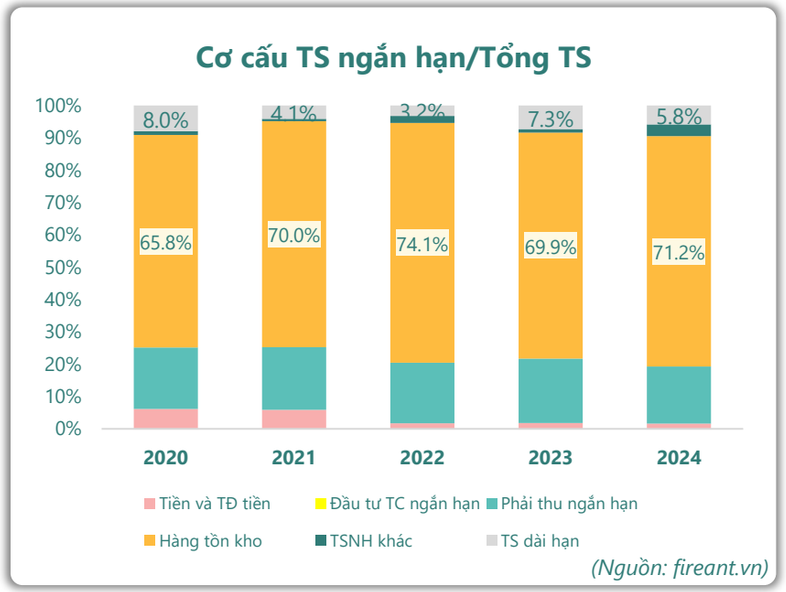


(Nguồn: fireant.vn)

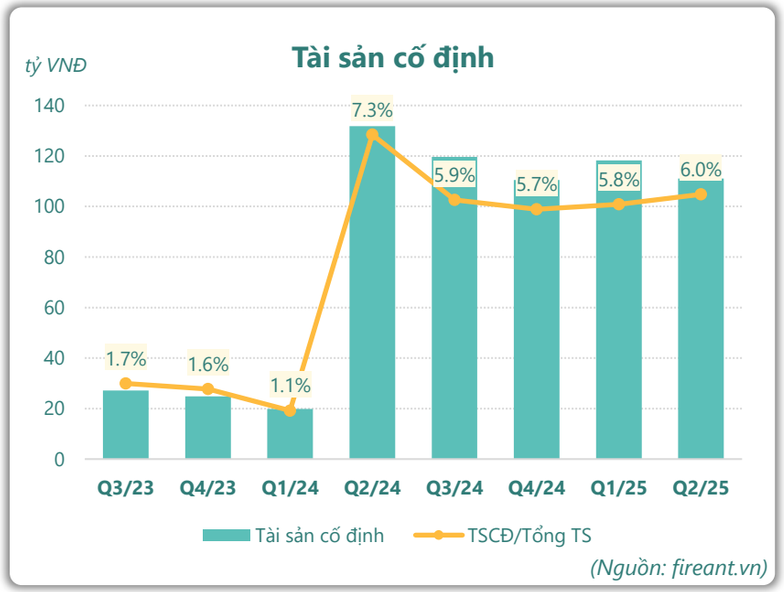
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



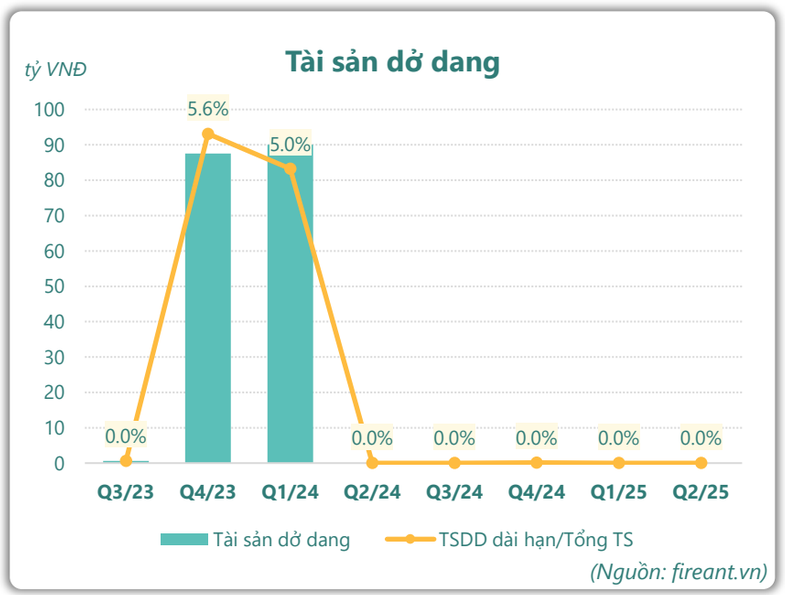
(Nguồn: fireant.vn)



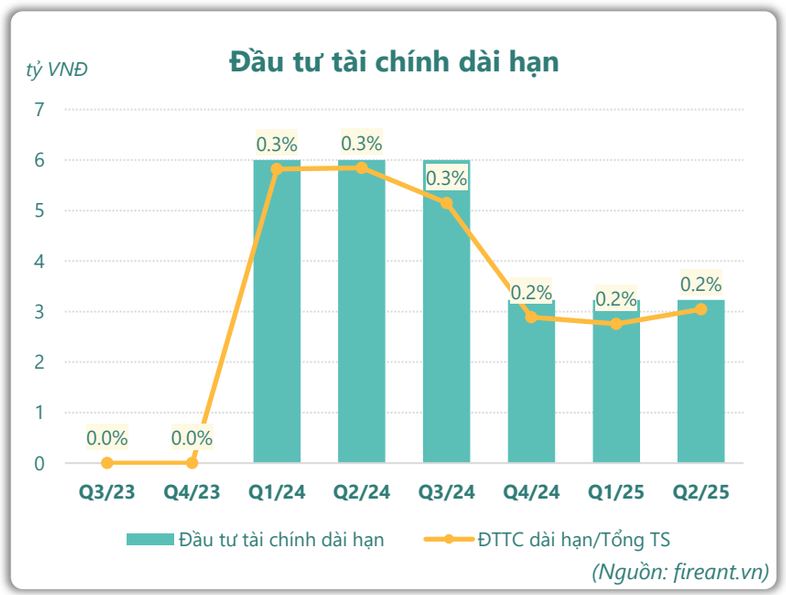
(Nguồn: fireant.vn)



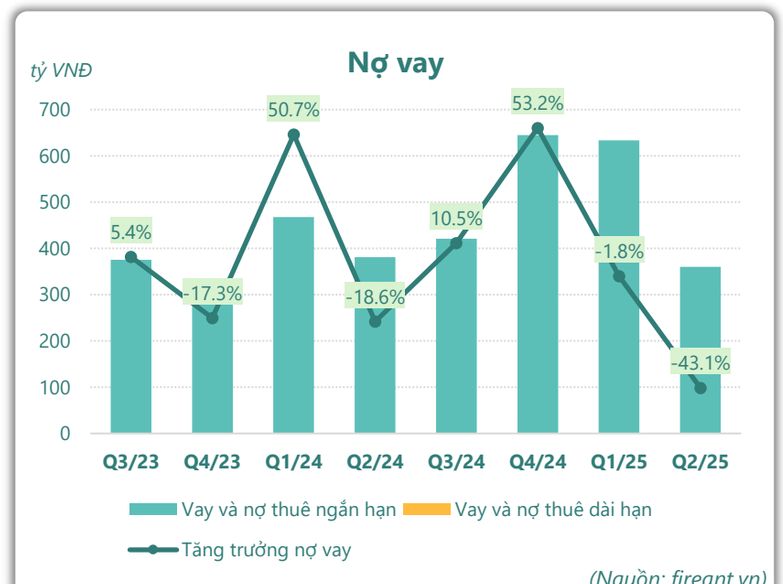
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



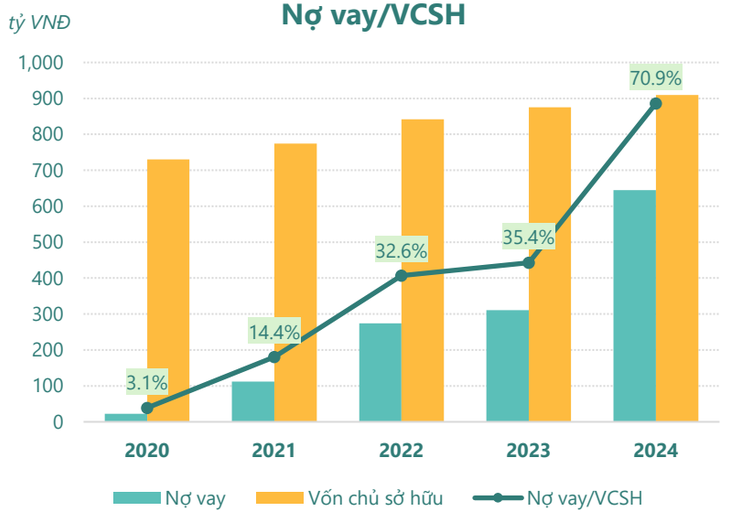
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

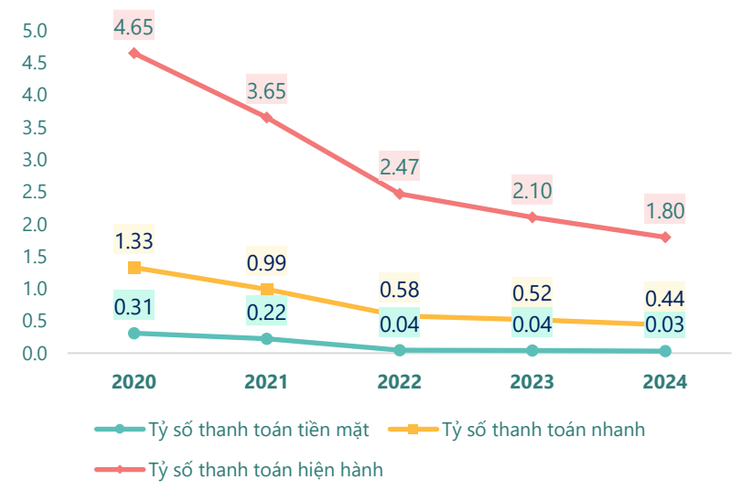
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



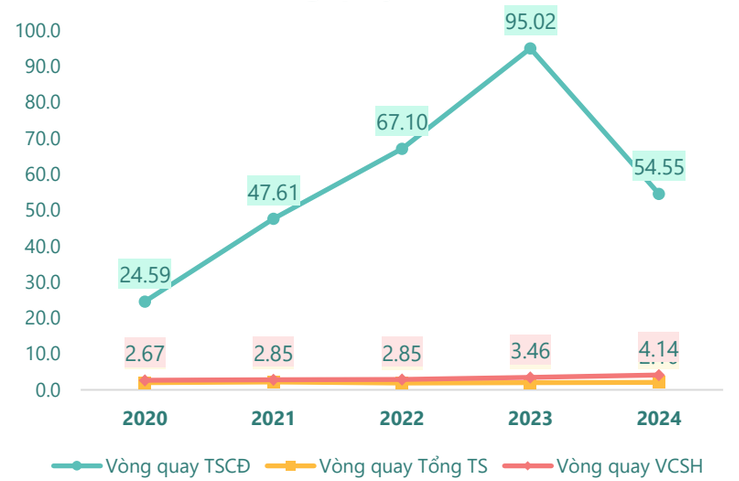
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



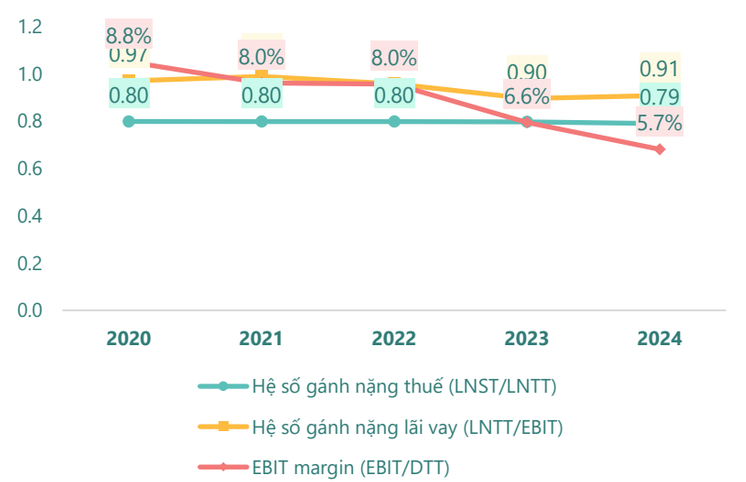
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



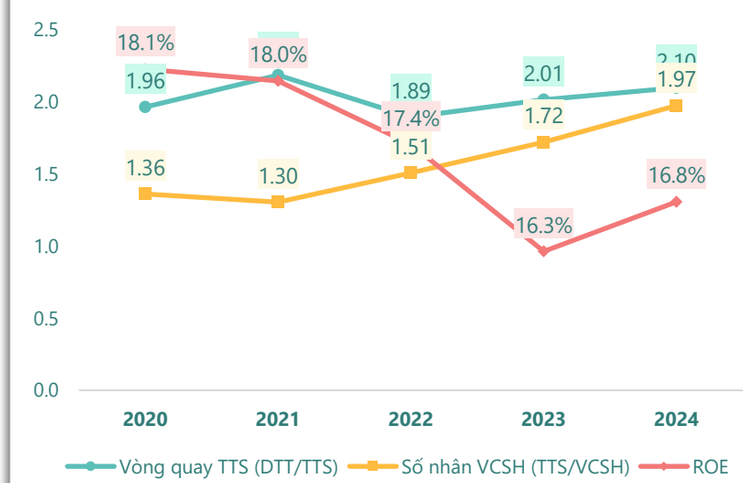
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



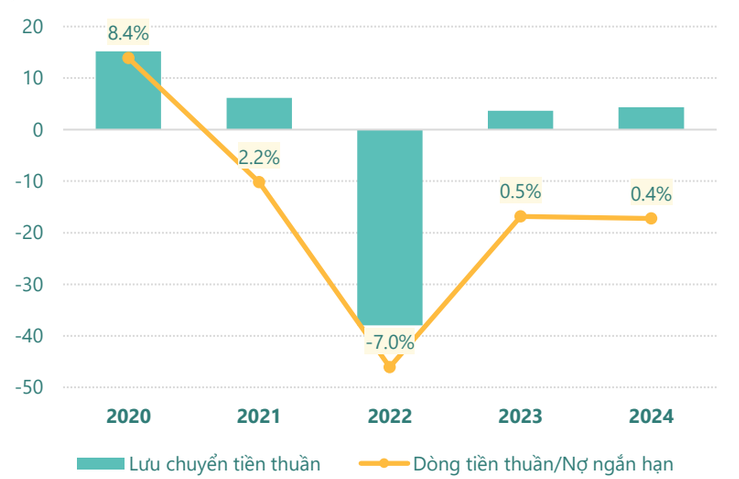
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,072**	**922**	**16.3%**	**2,025**	**1,835**	**10.3%**
Giá vốn hàng bán	974	829	17.5%	1,830	1,638	11.7%
Lợi nhuận gộp	98.1	93.2	5.3%	195	198	-1.3%
Doanh thu HĐTC	2.36	1.83	28.9%	4.19	2.38	76.0%
Chi phí TC	18.1	18.9	-4.4%	34.5	33.3	3.6%
Chi phí lãi vay	5.10	4.23	20.6%	11.4	8.74	30.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	9.73	9.21	5.7%	17.3	17.7	-2.5%
Chi phí QLDN	**25.6**	**23.5**	**8.9%**	**49.7**	**52.3**	**-5.0%**
LN thuần từ HĐKD	47.1	43.4	8.5%	97.8	96.8	1.0%
Lợi nhuận khác	**0.05**	**0.05**	**-0.1%**	**0.20**	**0.17**	**13.9%**
LN trước thuế	47.1	43.5	8.4%	98.0	96.9	1.1%
Lợi nhuận sau thuế	**37.7**	**25.1**	**50.3%**	**78.4**	**77.5**	**1.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**37.7**	**25.1**	**50.3%**	**78.4**	**77.5**	**1.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-66.4	195	-48.2	-211	84.9	296
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-58.8	-23.4	-10.6	-1.77	-14.4	-5.76
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	118	-153	40.1	224	-50.6	-273
Tiền đầu kỳ	27.7	20.7	39.8	21.2	32.0	51.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.02**	**19.2**	**-18.6**	**10.8**	**19.8**	**16.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.01
Tiền cuối kỳ	20.7	39.8	21.2	32.0	51.9	68.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,855**	**1,955**	**-5.1%**
Tài sản ngắn hạn	1,740	1,841	-5.5%
Tiền và tương đương tiền	68.7	32.0	114%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	447	346	29.2%
Hàng tồn kho	1,169	1,392	-16.0%
Tài sản ngắn hạn khác	56.2	71.7	-21.6%
Tài sản dài hạn	**114**	**114**	**0.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	111	110	0.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.11	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.23	3.23	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.16**	**0.16**	**1.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	996	1,045	-4.8%
Nợ ngắn hạn	**976**	**1,025**	**-4.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	360	645	-44.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	439	323	35.7%
Nợ dài hạn	19.8	20.8	-4.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**859**	**910**	**-5.5%**
Vốn chủ sở hữu	**859**	**910**	**-5.5%**
Vốn điều lệ	262	262	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)